

UNIT 1:**LEISURE TIMES****SKILLS 1****I/ NEW WORDS:**

1.teenager /'ti:n,eɪ.dʒə/	(n):thanh thiếu niên (13-19 tuổi)
2.connect /kə'nekt/	(v): nối,kết nối
3.nearby /,nɪr'baɪ/	(adv): ở gần
4.recipe /'res.i.pi/	(n): công thức làm món ăn
5.prepare /pri'peə/	(v): chuẩn bị
6.preparation /,prep.ər'eɪ.ʃən/	(n):sự chuẩn bị
7.ingredient /ɪn'gri:..di.ənt/	(n): thành phần, nguyên liệu
8.nevertheless /,nev.ə.ðə'les/	(còn): tuy nhiên, tuy thế mà
9.whatever /wɑ: 'tev.ə/	(adj): bất cứ điều gì
10.occasion /ə'keɪ.ʒən/	(n): dịp , cơ hội
11.prize /praɪz/	(n): giải, giải thưởng
12. costume contest	(n): cuộc thi hoá trang